

Số: **05** /2020/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **08** tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk dự thảo Nghị quyết về việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định về việc hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc thực hiện chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp; nguồn và mức vốn thực hiện các chính sách hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ, hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).



Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không nêu trong Nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp nhận hỗ trợ là doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Nhà nước hỗ trợ đầu tư bằng hình thức hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư hoặc cấp bù chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp.

b) Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

4. Thực hiện chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh đáp ứng quy định theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được hỗ trợ một phần lãi suất vay thương mại sau khi dự án đầu tư hoàn thành. Cụ thể:

a) Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

- Mức lãi suất vay thương mại làm cơ sở để ngân sách tỉnh cấp bù chênh lệch lãi suất là lãi suất cho vay trung, dài hạn bằng Đồng Việt Nam thấp nhất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng thời hạn cho vay và cùng thời kỳ.

- Mức lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước được công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, cụ thể đối với từng dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

d) Phương thức hỗ trợ

- Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký; mỗi dự án chỉ được xem xét, hỗ trợ đối với 01 hợp đồng tín dụng.

- Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

e) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án đầu tư được các tổ chức tín dụng thẩm định và ký hợp đồng;

- Có thỏa thuận/hợp đồng hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị được chính quyền địa phương xác nhận đối với dự án có hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị.

5. Nguồn và mức vốn thực hiện các chính sách

a) Ngân sách trung ương: Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018.

b) Ngân sách địa phương: Hàng năm, ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% ngân sách địa phương chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện các chính sách tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP; được giao thành Mục “Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn”, nếu trong năm chi chưa hết chuyển sang những năm sau để thực hiện.

Trong đó, ngân sách địa phương chi hàng năm cho ngành nông nghiệp bao gồm: Khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên cho sự nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, xây dựng nông thôn mới và các hoạt động phát triển nông thôn khác. Cụ thể:

- Nguồn chi thường xuyên hàng năm và 05 năm ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ lãi suất vay thương mại, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực và phát triển thị trường theo Điều 8 và Điều 10 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Nguồn chi đầu tư phát triển hàng năm và 05 năm ngân sách tỉnh hỗ trợ các nội dung còn lại theo quy định Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

c) Nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn của từng giai đoạn và hàng năm, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình HĐND tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP hàng năm và 05 năm của tỉnh.

6. Cơ chế hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ sau đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

7. Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ: Hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 16 và 17 của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa IX, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC, TP;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Đắk Lắk; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê